

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

LÊ VĂN ĐỨC

**QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ CHO
CÁC QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG
NGHỆ Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành: **Quản lý kinh tế**

Mã số: **9 31 01 10**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Hà Nội - Năm 2019

Công trình được hoàn thành tại:

VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS.TS. LÊ XUÂN BÁ**

2. TS. NGUYỄN NGỌC SONG

Phản biện 1: PGS.TS Trần Quốc Toàn

Phản biện 2: PGS.TS Nguyễn Trọng Cơ

Phản biện 3: TS. Hoàng Xuân Long

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Viện họp tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương vào hồigiờ ... ngày ... tháng... năm 2018.

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

Thư viện Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

Thư viện Quốc Gia, Hà Nội.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của luận án

Tại Việt Nam, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) được thành lập theo quy định của Luật KH&CN. Các Quỹ phát triển KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN) tại Việt Nam gồm: Quỹ phát triển KH&CN quốc gia; Quỹ phát triển KH&CN của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Nhìn chung, hình thức hỗ trợ, đầu tư NSNN cho hoạt động các Quỹ KH&CN được thực hiện theo quy định của pháp luật điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ tài chính ngoài NSNN. Các Quỹ này được thành lập nhằm mục đích tài trợ, cấp kinh phí cho việc thực hiện nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng; tài trợ, cấp kinh phí cho nhiệm vụ KH&CN đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, nhiệm vụ KH&CN tiềm năng; cho vay với lãi suất thấp hoặc không lấy lãi để thực hiện việc ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất và đời sống; bảo lãnh vốn vay đối với một số nhiệm vụ KH&CN chuyên biệt; hỗ trợ nhà khoa học trẻ tham gia hội nghị, hội thảo quốc tế; hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực KH&CN quốc gia. tuy nhiên, quá trình thực hiện cũng đã bộc lộ một số điểm đòi hỏi cần phải tiếp tục hoàn thiện, bổ sung. Vì thế việc nghiên cứu đề tài *“Quản lý ngân sách nhà nước đầu tư cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam”* có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn nước ta hiện nay.

2. Mục đích và ý nghĩa nghiên cứu của đề tài luận án

2. 1. Mục đích nghiên cứu đề tài luận án

Cung cấp các luận cứ khoa học cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện quản lý NSNN đầu tư

cho các quỹ phát triển KH&CN Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng các quỹ này để thúc đẩy phát triển KH&CN, góp phần phát triển KT-XH. Việc nghiên cứu đề tài luận án này cũng cung cấp một tài liệu tham khảo cho các viện nghiên cứu, các trường đại học, phục vụ các hoạt động nghiên cứu và đào tạo.

2. 2. Ý nghĩa nghiên cứu của đề tài luận án

- *Ý nghĩa lý luận của nghiên cứu đề tài luận án*: góp phần xây dựng, phát triển lý luận về quản lý NSSN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN và cách thức vận dụng vào điều kiện thực tiễn ở Việt Nam.

- *Ý nghĩa thực tiễn của nghiên cứu đề tài luận án*: nhằm tăng cường và nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý NSSN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN Việt Nam; góp phần hoàn thiện chính sách, pháp luật và cơ chế quản lý phát triển KH&CN tại Việt Nam.

3. Kết cấu luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận án kết cấu thành 4 chương, gồm:

Chương 1: Tổng quan nghiên cứu về quản lý ngân sách nhà nước đầu tư cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Chương 2: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về quản lý ngân sách nhà nước đầu tư cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

Chương 3: Thực trạng quản lý ngân sách nhà nước đầu tư cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam.

Chương 4: Giải pháp hoàn thiện quản lý ngân sách nhà nước đầu tư cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ CHO CÁC QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu đã công bố liên quan đến quản lý ngân sách nhà nước đầu tư cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Các công trình nghiên cứu trong nước và ở nước ngoài tập trung vào các nội dung: Các công trình nghiên cứu về quỹ phát triển khoa học và công nghệ; Các công trình nghiên cứu về chính sách phát triển khoa học công nghệ nói chung và chính sách cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ nói riêng; Các công trình nghiên cứu về quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ nói chung và quản lý ngân sách nhà nước đầu tư cho quỹ phát triển khoa học và công nghệ nói riêng.

Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về KH&CN và tài chính phục vụ cho phát triển KH&CN đã cung cấp những thông tin, dữ liệu rất quan trọng cho việc nâng cao chất lượng quản lý NSNN đầu tư cho phát triển KH&CN nói chung và các quỹ phát triển KH&CN nói riêng. Những kết quả nghiên cứu đã nêu cũng là cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng mà tác giả tiếp thu và sử dụng trong quá trình hoàn thiện luận án này. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu trên vẫn còn có những hạn chế nhất định, đó là:

Như thế, cho đến nay chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện về quản lý NSNN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN. Các nghiên cứu được tổng hợp thường chỉ đề cập đến một khía cạnh, một nội dung cụ thể mà tác giả nghiên cứu.

1.2. Phương hướng giải quyết các vấn đề nghiên cứu của luận án

1.2.1. Mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu của đề tài luận án

1.2.1.1. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài luận án

- Mục tiêu tổng quát: Luận giải rõ cơ sở khoa học để đề xuất giải pháp hoàn thiện và nâng cao chất lượng quản lý NSNN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN ở Việt Nam hiện nay.

- Mục tiêu nghiên cứu cụ thể:

+ Hệ thống hoá, bổ sung và luận giải rõ cơ sở lý luận về quản lý NSNN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN;

+ Đánh giá khách quan thực trạng quản lý NSNN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN ở Việt Nam, xác định đúng những thành quả, hạn chế và nguyên nhân;

+ Đề xuất phương hướng, giải pháp hoàn thiện và nâng cao chất lượng quản lý NSNN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN ở Việt Nam.

1.2.1.2. Câu hỏi nghiên cứu của đề tài luận án

Câu hỏi 1: Quản lý NSNN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN là gì? Bao gồm những nội dung nào?

Câu hỏi 2: Quản lý NSNN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN Việt Nam có những tồn tại, hạn chế gì trong việc triển khai trong thực tế?

Câu hỏi 3: Việt Nam cần làm gì để hoàn thiện quản lý NSNN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN?

1.2.2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài luận án

1.2.2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là quản lý NSNN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN ở Việt Nam.

1.2.2.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung*: Luận án tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận về đầu tư NSNN cho các quỹ phát triển KH&CN. Trong đó, luận án tập trung vào các nội dung cơ bản, như: (1) xác định định hướng xây dựng và phát triển các quỹ phát triển KH&CN và định hướng đầu tư NSNN cho các quỹ phát triển KH&CN; (2) xây dựng, ban hành các quy định pháp luật, các chính sách về tổ chức và hoạt động cho các quỹ phát triển KH&CN và đầu tư NSNN cho các quỹ phát triển KH&CN; (3) xây dựng dự toán, lập chi tiết chi và phê duyệt cấp vốn NSNN hàng năm và vốn điều lệ cho các quỹ phát triển KH&CN; (4) thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện cấp vốn từ NSNN cho quỹ phát triển KH&CN theo định mức đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt.

- *Về không gian*: Luận án tập trung nghiên cứu quản lý NSNN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN ở Việt Nam

- *Về thời gian*: Luận án tập trung nghiên cứu, khảo sát, đánh giá thực trạng thực hiện quản lý NSNN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN ở Việt Nam từ năm 2011 đến 2017 và đề xuất giải pháp hoàn thiện quản lý NSNN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN ở Việt Nam từ nay đến năm 2025.

1.2.3. Cách tiếp cận, phương pháp và giả thuyết nghiên cứu

1.2.3.1. Cách tiếp cận

- *Cách tiếp cận tổng thể, toàn diện*: nghiên cứu và giải quyết các vấn đề một cách tổng thể và toàn diện từ góc độ lý luận đến thực tiễn của quản lý NSNN đầu tư cho phát triển KH&CN nói chung và cho quỹ phát triển KH&CN nói riêng.

- *Cách tiếp cận thực tiễn*: tiếp cận và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thực hiện quản lý NSNN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN của Việt Nam trong thời gian qua.

- *Cách tiếp cận hệ thống*: việc nghiên cứu quản lý NSNN đầu tư cho quỹ phát triển KH&CN phải được đặt trong tổng thể cơ chế, chính sách phát triển KH&CN, cũng như quản lý NSNN đầu tư cho các đơn vị sự nghiệp công lập ở Việt Nam trong bối cảnh đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế, cũng như yêu cầu cải cách tài chính công hiện nay.

- *Cách tiếp cận động, liên ngành và dựa trên những nguyên lý cơ bản của quản trị tài chính công*: các giải pháp đưa ra nhằm nâng cao chất lượng quản lý NSNN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN ở Việt Nam không chỉ được nghiên cứu và xây dựng trên cơ sở lý thuyết mà còn tính đến cả cơ chế bảo đảm thực hiện trên thực tế hiện nay và thời gian tới.

1.2.3.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp luận*: Luận án được tiến hành dựa trên cơ sở vận dụng nguyên lý của phép duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Tác giả xem xét vấn đề nghiên cứu trong bối cảnh kinh tế - văn hóa - chính trị cụ thể.

- *Phương pháp nghiên cứu cụ thể*: Đề tài sử dụng một số phương pháp nghiên cứu sau:

+ Phương pháp logic và lịch sử, phương pháp phân tích và tổng hợp

+ Phương pháp khái quát hoá và cụ thể hoá.

+ Phương pháp so sánh: phương pháp này dùng để so sánh thực tiễn thực hiện quản lý NSNN đầu tư cho quỹ phát triển KH&CN của

một số nước tiên tiến trên thế giới, qua đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam hiện nay.

+ Phương pháp thu thập số liệu.

+ Phương pháp tổng hợp và phân tích số liệu: Các phương pháp này bao gồm thống kê mô tả, phân tổ, so sánh, dự báo, chuyên gia, phân tích định lượng.

Để tiến hành thu thập số liệu trong thực tiễn, tác giả sử dụng các phương pháp sau:

+ Phương pháp phỏng vấn sâu cá nhân: tác giả tiến hành phỏng vấn sâu cán bộ, quản lý Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cán bộ, quản lý Quỹ phát triển KH&CN quốc gia, đây là những người trực tiếp quản lý các quỹ phát triển KH&CN ở Việt Nam hiện nay.

+ Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi: tác giả tiến hành điều tra thu thập thông tin bằng phiếu hỏi với hai đối tượng chính là: (1) cán bộ quản lý quỹ phát triển KH&CN quốc gia; (2) cán bộ quản lý quỹ phát triển KH&CN của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

1.2.3.3. Giả thuyết nghiên cứu

- *Giả thuyết 1:* Quản lý NSNN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN Việt Nam đã từng bước tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong cơ chế tài chính cho phát triển KH&CN.

- *Giả thuyết 2:* Quản lý NSNN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN Việt Nam vẫn còn những tồn tại, hạn chế nhất định; đây là vật cản đối với thúc đẩy nhanh phát triển KH&CN đáp ứng cho yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững.

- *Giả thuyết 3:* Các quỹ phát triển KH&CN từng bước khẳng định được vị thế, tầm quan trọng trong phát triển KH&CN, đặc biệt đã

tạo được sự thay đổi về cơ chế tài chính cho thúc đẩy phát triển KH&CN. Tuy vậy, để phát huy được vai trò của các quỹ phát triển KH&CN cần phải nâng cao chất lượng quản lý tài chính, trong đó đặc biệt là quản lý NSNN đầu tư cho các quỹ này theo hướng khắc phục những rào cản như: định mức chi NSNN cho Quỹ còn thấp; thủ tục còn phức tạp; chế độ niên khoá tài chính; v.v..

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ CHO CÁC QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

2.1. Các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

2.1.1. Khái niệm, đặc điểm quỹ phát triển khoa học và công nghệ

2.1.1.1. Khái niệm quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển KH&CN được hiểu là quỹ tiền tệ tập trung do nhà nước hoặc tư nhân thành lập thành lập, quản lý và sử dụng nhằm tài trợ, cấp kinh phí, cho vay, bảo lãnh cho vay vốn và hỗ trợ nâng cao năng lực KH&CN, không vì mục đích lợi nhuận.

2.1.1.2. Đặc điểm quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Thứ nhất, quỹ phát triển KH&CN là một định chế tài chính đặc biệt, khác với các định chế tài chính khác đó là tổ chức tài chính hoạt động phi lợi nhuận để tài trợ không hoàn lại hoặc có hoàn lại, cho vay với lãi suất thấp hoặc không lấy lãi nhằm hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN [27, tr. 100].

Thứ hai, đầu tư của quỹ phát triển KH&CN mang tính hỗ trợ trên cơ sở những điều kiện đã có của các tổ chức thực hiện đề tài nghiên cứu KH&CN, dự án sản xuất thử nghiệm, ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ.

Thứ ba, quỹ phát triển KH&CN tạo môi trường tự do, bình đẳng, dân chủ trong hoạt động sáng tạo của cộng đồng khoa học.

Thứ tư, đa dạng hoá nguồn vốn cho hoạt động KH&CN.

Thứ năm, Quỹ phát triển KH&CN do Nhà nước thành lập, có nguồn vốn đầu tư từ NSNN có những đặc điểm như quỹ tài chính công ngoài NSNN.

2.1.2. Phân loại quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển KH&CN được phân loại theo nhiều cách thức khác nhau, dựa vào mỗi tiêu chí sẽ có cách phân loại cụ thể.

Thứ nhất, căn cứ vào chủ thể thành lập quỹ và quản lý quỹ, quỹ phát triển KH&CN được chia thành: quỹ phát triển KH&CN ở cấp trung ương; quỹ phát triển KH&CN ở cấp địa phương; quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp; quỹ phát triển KH&CN của cá nhân, tổ chức.

Thứ hai, căn cứ vào nguồn vốn hình thành quỹ, quỹ phát triển KH&CN được chia thành: quỹ phát triển KH&CN nhà nước và quỹ phát triển KH&CN tư nhân.

2.1.3. Vai trò của quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Thứ nhất, các quỹ KH&CN đã tạo ra kênh tài chính đa dạng và năng động nhằm huy động thêm các nguồn lực tài chính trong xã hội, hỗ trợ NSNN trong thực hiện các mục tiêu phát triển KH&CN. *Thứ hai*, các quỹ phát triển KH&CN còn trợ giúp nhà nước trong việc khắc phục những hạn chế của cơ chế tài chính truyền thống cho hoạt động KH&CN và chuyển dần sang cơ chế tài chính mới cho hoạt động KH&CN phù hợp với cơ chế thị trường.

2.1.4. Đầu tư vốn từ ngân sách nhà nước cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ

2.1.4.1. Khái niệm đầu tư vốn từ ngân sách nhà nước cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Đầu tư vốn từ NSNN cho quỹ phát triển KH&CN là hoạt động chi NSNN cho quỹ phát triển KH&CN nhằm thực hiện các nhiệm vụ phát triển KH&CN phục vụ cho yêu cầu phát triển KT-XH.

2.1.4.2. Hiệu quả đầu tư vốn từ ngân sách nhà nước cho quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong nền kinh tế thị trường

Hiệu quả đầu tư NSNN cho quỹ phát triển KH&CN được hiểu là mối quan hệ giữa kết quả hoạt động của quỹ phát triển KH&CN đạt được với các khoản đầu tư cho quỹ này trong một khoảng thời gian nhất định.

2.1.5. Những lý thuyết có liên quan đến đầu tư phát triển khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

- Lý thuyết tiến bộ kỹ thuật quyết định tăng trưởng kinh tế của Slow

- Lý thuyết tích lũy tri thức chuyên nghiệp hoá và tích lũy tư bản nhân lực quyết định tăng trưởng kinh tế của Romo

- Lý thuyết đầu tư vốn quyết định tiến bộ kỹ thuật và tăng trưởng kinh tế của Scot

- Lý thuyết “các bên tham gia” của Freeman

2.2. Quản lý ngân sách nhà nước đầu tư cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ

2.2.1. Khái niệm, chủ thể, khách thể, đối tượng, công cụ, nội dung quản lý ngân sách nhà nước đầu tư cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ

2.2.1.1. Khái niệm quản lý ngân sách nhà nước đầu tư cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quản lý NSNN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN là sự tác động của hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với việc chi NSNN cho các quỹ phát triển KH&CN nhằm bảo đảm đủ nguồn lực tài chính để duy trì và hoạt động bình thường của các quỹ phát triển KH&CN đáp ứng thực hiện tốt các nhiệm vụ KH&CN.

2.2.1.2. Chủ thể, khách thể, đối tượng, công cụ, nội dung quản lý ngân sách nhà nước đầu tư cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ

2.2.2. Các tiêu chí đánh giá hoạt động quản lý ngân sách nhà nước đầu tư cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ

(1) Mức độ đầy đủ, hoàn thiện của các yếu tố cấu thành hoạt động quản lý NSNN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN và cách thức vận hành các yếu tố này trong thực tế;

(2) Tính hiệu lực của hoạt động quản lý NSNN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN;

(3) Tính hiệu quả của hoạt động quản lý NSNN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN.

2.2.3. Các yếu tố tác động đến quản lý ngân sách nhà nước đầu tư cho quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Thứ nhất, yếu tố thuộc về cơ chế, chính sách.

Thứ hai, yếu tố thuộc về tổ chức/cá nhân nghiên cứu KH&CN.

Thứ ba, yếu tố thuộc về tổ chức, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của các quỹ.

2.3. Kinh nghiệm quốc tế về quản lý ngân sách nhà nước đầu tư cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ và bài học cho Việt Nam

2.3.1. Quản lý ngân sách nhà nước đầu tư cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ một số nước trên thế giới

Luận án chỉ tập trung nghiên cứu quản lý NSNN đầu tư cho các Quỹ phát triển KH&CN của Hoa Kỳ, Acentina, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan.

2.3.2. Những bài học rút ra cho Việt Nam từ kinh nghiệm nước ngoài

Thứ nhất, các quỹ phát triển KH&CN ở các quốc gia nêu trên đều thực hiện theo cơ chế chủ động, tự chủ. *Thứ hai*, các quỹ phát triển KH&CN ở các quốc gia nêu trên đều thực hiện theo cơ chế cấp ngân sách theo kế hoạch trung và dài hạn. *Thứ ba*, các quỹ phát triển KH&CN ở các quốc gia phát triển hoạt động theo cơ chế phối hợp, hợp tác giữa khu vực công với khu vực tư nhân. *Thứ tư*, các quỹ phát triển KH&CN cần phải được đảm bảo cơ chế đặc thù cho việc hoạt động so với các quỹ tài chính ngoài NSNN khác.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ CHO CÁC QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ Ở VIỆT NAM

3.1. Khái quát thực trạng các quỹ phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam

3.1.1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia Việt Nam

Theo quy định của Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN quốc gia, Quỹ phát triển KH&CN quốc gia hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, có chức năng tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay, cấp kinh phí để thực hiện nhiệm vụ KH&CN hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực KH&CN quốc gia. Đây là đơn vị sự nghiệp, trực thuộc Bộ KH&CN, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng,

được mở tài khoản tại kho bạc nhà nước và tại các ngân hàng trong nước.

3.1.2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Việt Nam

Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền gửi tại kho bạc nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. Đây là đơn vị sự nghiệp hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, có chức năng tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách và các nguồn vốn khác của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

Quỹ hoạt động nhằm mục đích tài trợ, cấp kinh phí, cho vay, bảo lãnh vốn vay và hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia.

3.2. Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý ngân sách nhà nước đầu tư cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam hiện nay

3.2.1. Thực trạng chủ trương, chính sách chung của Đảng và Nhà nước về đầu tư ngân sách nhà nước cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam

Đảng ta đã chỉ đạo “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ, nhất là cơ chế quản lý, phương thức đầu tư và cơ chế tài chính để giải phóng năng lực sáng tạo, đưa nhanh tiến bộ khoa học – công nghệ vào hoạt động thực tiễn”.

Hàng năm, Quốc hội đã ban hành các Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội, Nghị quyết về phân bổ NSNN, trong đó chú trọng phát triển KH&CN nhằm phát triển kinh tế - xã hội thúc đẩy công

nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được phân công và để hoàn thiện môi trường pháp lý về KH&CN thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từ năm 2005 đến nay, đã có khoảng hơn 260 thông tư, thông tư liên tịch được ban hành và đang còn hiệu lực.

3.2.2. Thực trạng mô hình tổ chức bộ máy quản lý ngân sách nhà nước đầu tư cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam

3.2.2.1. Tổ chức bộ máy quản lý ngân sách nhà nước đầu tư cho Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia ở Việt Nam

Gồm Hội đồng quản lý quỹ, Cơ quan điều hành quỹ, Ban Kiểm soát quỹ và Hội đồng khoa học và công nghệ của quỹ.

3.2.2.2. Tổ chức bộ máy quản lý ngân sách nhà nước đầu tư cho Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ở Việt Nam

Gồm Hội đồng quản lý quỹ, Cơ quan điều hành quỹ, Ban Kiểm soát quỹ.

3.2.3. Thực trạng xây dựng dự toán, lập chi tiết chi và phê duyệt cấp vốn NSNN hàng năm và vốn điều lệ cho các quỹ phát triển KH&CN ở Việt Nam

Thứ nhất, việc xây dựng dự toán, lập chi tiết chi và phê duyệt cấp vốn NSNN hàng năm và vốn điều lệ cho Quỹ phát triển KH&CN quốc gia Việt Nam hiện nay được thực hiện theo Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03/4/2014 thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN quốc gia.

Thứ hai, việc xây dựng dự toán, lập chi tiết chi và phê duyệt cấp vốn NSNN hàng năm và vốn điều lệ cho Quỹ Phát triển KH&CN của

bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương Việt Nam hiện nay được thực hiện theo Quyết định số 37/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 08/09/2015 và Thông tư số 03/2015/TT-BKHCN ngày 09/03/2015 của Bộ KH&CN.

3.2.4. Thực trạng kiểm tra, giám sát việc quản lý ngân sách nhà nước đầu tư cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam

Hàng năm Quỹ thực hiện tự kiểm tra tài chính kế toán theo “Quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan đơn vị có sử dụng NSNN” ban hành theo Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Quỹ thực hiện nghiêm túc, công khai tài chính gồm (kế hoạch tài chính, quyết toán tài chính) theo đúng nội dung, hình thức và đảm bảo thời gian theo quy định tại Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ và Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22/3/2005 của Bộ Tài chính, báo cáo gửi Bộ KH&CN.

Về tài chính, Quỹ chịu sự kiểm tra tài chính của Bộ KH&CN, Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước theo quy định và báo cáo đột xuất cho các cơ quan có thẩm quyền như Ủy ban Khoa học công nghệ và môi trường, Ủy ban Tài chính-Ngân sách của Quốc Hội theo yêu cầu.

3.2.5. Đánh giá thực trạng hoạt động quản lý ngân sách nhà nước của các quỹ phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam hiện nay theo các tiêu chí

3.2.5.1. Về mức độ đầy đủ, hoàn thiện của các yếu tố cấu thành hoạt động quản lý ngân sách nhà nước đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN và cách thức vận hành các yếu tố này trong thực tế

Quỹ phát triển KH&CN quốc gia được thành lập theo Nghị định số 122/2003/NĐ-CP ngày 22/02/2003 của Chính phủ. Ngày 03/4/2014, Chính phủ ban hành Nghị định số 23/2014/NĐ-CP về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ. Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, có chức năng tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay, cấp kinh phí để thực hiện nhiệm vụ KH&CN; hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực KH&CN quốc gia. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ bao gồm vốn từ nguồn NSNN và vốn ngoài NSNN. Quỹ thực hiện việc cấp kinh phí đối với một số nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia do Bộ KH&CN trực tiếp quản lý. Năm 2015, Quỹ bắt đầu thực hiện cấp kinh phí thông qua Quỹ đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia thuộc Chương trình phát triển thị trường KH&CN đến năm 2020.

3.2.5.2. Về tính hiệu lực của hoạt động quản lý ngân sách nhà nước đầu tư cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Một là, xây dựng dự toán NSNN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN theo Nghị định số 122/2003/NĐ-CP và 23/2014/NĐ-CP là một bước đổi mới, tiếp cận trình độ quản lý hoạt động KH&CN của quốc tế, phù hợp với hoạt động đặc thù nghiên cứu khoa học, sẵn sàng vốn đầu tư kịp thời cho các nhiệm vụ KH&CN nhất là các nhiệm vụ cấp bách phát sinh ngoài kế hoạch (thường theo yêu cầu của các cơ quan Đảng, Nhà nước nhằm giải quyết những vấn đề xuất phát sinh phục vụ kinh tế - xã hội) và cũng tạo điều kiện cho cơ quan quản lý như Bộ KH&CN hay Quỹ chủ động trong việc tổ chức đánh giá nhiệm vụ KH&CN nhằm lựa chọn được nhiệm vụ có chất lượng, phù hợp với tiêu chí của từng chương trình, không phải chạy theo thời gian kế hoạch năm.

Thứ hai, chấp hành ngân sách tài trợ hoạt động nghiên cứu KH&CN của Quỹ. (1) Thực hiện tài trợ thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu

KH&CN trong lĩnh vực Khoa học tự nhiên và kỹ thuật. (2) Thực hiện tài trợ thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu KH&CN trong lĩnh vực KHXH và nhân văn. (3) Thực hiện hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia. (4) Thực hiện tài trợ, hỗ trợ theo thỏa thuận hợp tác quốc tế. (5) Thực hiện hỗ trợ thúc đẩy ứng dụng kết quả nghiên cứu phát triển vào thực tế. (6) Thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ. (7) Thực hiện cho vay và bảo lãnh vốn vay. (8) Thực hiện cấp kinh phí thông qua Quỹ.

Thứ ba, Quyết toán ngân sách tài trợ hoạt động nghiên cứu KH&CN của Quỹ.

3.2.5.3. Về tính hiệu quả của hoạt động quản lý ngân sách nhà nước đầu tư cho các quỹ phát triển khoa học

Sự ra đời của các quỹ phát triển KH&CN (mặc dù hoạt động thường không vì mục tiêu lợi nhuận) đã đem lại những lợi ích, tác động tích cực trong đời sống xã hội và phát triển kinh tế, đặc biệt trong lĩnh vực KH&CN. Hơn nữa, việc hình thành và đi vào hoạt động các quỹ phát triển KH&CN ở Việt Nam là một bước chuyển biến tích cực trong việc chuyển từ cơ chế cấp phát tài chính cho hoạt động KH&CN sang cơ chế quỹ nhằm tăng tính chủ động và phù hợp với yêu cầu đặc thù của hoạt động KH&CN.

Số lượng công trình KH&CN là kết quả từ các đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên do Quỹ tài trợ được công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín của quốc tế (thuộc hệ thống ISI) trong giai đoạn 2009-2015 có tốc độ tăng trung bình trên 25%. Các công trình này chiếm khoảng 20-25% số các công trình của Việt Nam và khoảng 50% nếu chỉ tính số công trình được hỗ trợ từ NSNN). Hằng năm, Quỹ hỗ trợ 1.200-1.500 nhà khoa học thực hiện nghiên cứu

khoa học KH&CN, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực trình độ cao, giúp phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh... Các nhiệm vụ KH&CN do Quỹ tài trợ, hỗ trợ đã có tác động trực tiếp tới phát triển kinh tế – xã hội của đất nước. Tài trợ thực hiện các đề tài đột xuất phát sinh, tiềm năng giúp giải quyết nhiều vấn đề cấp thiết trong xã hội; hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động nghiên cứu KH&CN.

3.3. Đánh giá chung thực trạng quản lý ngân sách nhà nước đầu tư cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam

3.3.1. Những kết quả đạt được

Thứ nhất, hoạt động của quỹ phát triển KH&CN ở Việt Nam đã được thành lập và từng bước đi vào hoạt động ổn định. Hiện nay, bên cạnh Quỹ phát triển KH&CN quốc gia, nhiều địa phương đã thành lập Quỹ phát triển KH&CN.

Thứ hai, NSNN đầu tư cho các Quỹ phát triển KH&CN ở Việt Nam được bảo đảm và từng bước tăng mức đầu tư theo từng năm nhằm đáp ứng yêu cầu về vốn tài chính cho hoạt động của các Quỹ.

Thứ ba, sự ra đời và đi vào hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN quốc gia, các quỹ phát triển KH&CN địa phương với cơ chế linh hoạt, phù hợp với hoạt động KH&CN có tính đặc thù đã đánh dấu sự ra đời của một mô hình mới trong quản lý tài chính KH&CN.

3.3.2. Những hạn chế

Thứ nhất, các Quỹ phát triển KH&CN Việt Nam vẫn đang vận hành theo cơ chế bán chủ động.

Thứ hai, hiện nay ở Việt Nam việc cấp bổ sung cho các quỹ phát triển KH&CN được thực hiện theo năm tài chính, thực tế này đang gây khó khăn, cản trở cho việc thực hiện những nhiệm vụ nghiên cứu dài hạn của các đề tài có quy mô lớn, ngoài ra cũng cản

trở việc tăng số lượng các đề tài được tài trợ trong một năm của các quỹ phát triển KH&CN ở Việt Nam hiện nay.

Thứ ba, ngân sách đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN ở Việt Nam còn thấp, chưa tương xứng với yêu cầu thực tế; các quỹ phát triển KH&CN địa phương mới đi vào hoạt động nên hiệu quả chưa cao.

3.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

Thứ nhất, nguyên nhân khách quan:

Một là, nhận thức của nhiều cấp ủy Đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức còn chưa đầy đủ, sâu sắc về vai trò, vị trí của KH&CN và sự cần thiết của KH&CN đối với phát triển KT-XH, cũng như đặc thù của hoạt động KH&CN.

Hai là, hoạt động cấp kinh phí thông qua quỹ đối với một số nhiệm vụ KH&CN còn tương đối mới mẻ, các đơn vị chưa có được kế hoạch đầy đủ, gây khó khăn cho quỹ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, chức năng của mình.

Ba là, cơ chế quản lý KH&CN mặc dù đã được đổi mới, nhưng vẫn còn mang nặng tính hành chính. Chưa có những chính sách hữu hiệu tạo động lực đối với cán bộ KH&CN.

Bốn là, công tác phối hợp ban hành văn bản và theo dõi, tổng hợp, hướng dẫn thực hiện ở một số bộ, ngành và địa phương chưa chặt chẽ, nhất là về đầu tư phát triển cho KH&CN.

Năm là, hệ thống văn bản pháp luật về KH&CN công kênh, phức tạp, lại được liên tục được bổ sung, sửa đổi nhưng chưa theo hệ thống cho nên việc thực hiện gặp nhiều khó khăn, nhất là tại các địa phương, các đơn vị, cơ sở.

Sáu là, việc thông tin, tuyên truyền văn bản mới trong lĩnh vực KH&CN chưa được tổ chức kịp thời, thường xuyên, sâu rộng tới các

đối tượng thực hiện nên còn có những tổ chức, cá nhân còn chưa quán triệt được đầy đủ nội dung của các quy định đã ban hành.

Thứ hai, nguyên nhân chủ quan:

Một là, khả năng cân đối của NSNN chưa đáp ứng được nhu cầu vốn về phát triển KH&CN.

Hai là, việc phân bổ NSNN cho KH&CN địa phương còn mang tính chất dàn đều, phân chia; chưa dựa trên nhu cầu, hiệu quả hoạt động; chưa mang tính liên kết giữa các địa phương trong phát triển và thực hiện các nhiệm vụ KH&CN có tính liên vùng; chưa bám sát chiến lược phát triển KT-XH của địa phương và vùng.

Ba là, tỷ lệ và định mức tài trợ/cho vay như vậy chưa phù hợp với tình hình nghiên cứu, thực hiện đổi mới công nghệ của các tổ chức KH&CN và DN hiện nay.

CHƯƠNG 4

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ CHO CÁC QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ Ở VIỆT NAM

4.1. Bối cảnh mới và những vấn đề đặt ra đối với quản lý ngân sách nhà nước đầu tư cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam

4.1.1. Bối cảnh mới tác động đến phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam

4.1.1.1. Bối cảnh quốc tế: Thứ nhất, tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thứ hai, đầu tư cho nghiên cứu và phát triển trên thế giới.

4.1.1.2. Bối cảnh trong nước

Thứ nhất, sự tác động của cuộc cách mạng 4.0 đến quá trình CNH, HĐH đất nước ở Việt Nam hiện nay. *Thứ hai*, trình độ phát

triển KH&CN trong những năm qua có những bước chuyển biến nhất định, tuy nhiên tốc độ còn chậm, khoảng cách phát triển KH&CN của Việt Nam so với một số nước trong khu vực và trên thế giới ngày một rộng hơn. *Thứ ba*, đầu tư cho phát triển KH&CN còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, chưa tương xứng với vị trí, vai trò quốc sách hàng đầu của KH&CN.

4.1.2. Những vấn đề đặt ra đối với quản lý ngân sách nhà nước đầu tư cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam

Để hoàn thiện và nâng cao chất lượng quản lý NSNN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN Việt Nam trong những năm tới cần phải tập trung giải quyết các vấn đề sau: Khắc phục tính mệnh lệnh, hành chính trong cơ chế quản lý KH&CN ở Việt Nam hiện nay; Khắc phục những bất cập trong cơ chế tài chính đối với KH&CN ở Việt Nam hiện nay; Khắc phục những kìm hãm trong quá trình hoàn thiện cơ chế quản lý NSNN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN ở Việt Nam hiện nay.

4.2. Phương hướng hoàn thiện quản lý ngân sách nhà nước đầu tư cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, hoàn thiện việc tạo lập, quản lý và sử dụng các quỹ phát triển KH&CN theo hướng đảm bảo tuân thủ các cơ chế chính sách và quy định quản lý chung của nhà nước về quản lý NSNN.

Thứ hai, hoàn thiện việc tạo lập, quản lý và sử dụng quỹ phát triển KH&CN phải đảm bảo phù hợp với đặc điểm phát triển kinh tế từng thời kỳ đối với các loại quỹ khác nhau, ở cấp quản lý khác nhau.

Thứ ba, hoàn thiện việc tạo lập và sử dụng các quỹ phát triển KH&CN phải đảm bảo tính hiệu quả và mang tính khả thi.

4.3. Giải pháp hoàn thiện quản lý ngân sách nhà nước đầu tư cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam hiện nay

4.3.1. Giải pháp về đầu tư ngân sách nhà nước cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ

(1) Tăng cường đầu tư ngân sách nhà nước cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

Nhà nước cần tăng cường đầu tư cho nghiên cứu cơ bản tạo cơ sở nền tảng cho nghiên cứu ứng dụng cùng như những nghiên cứu KH&CN đòi hỏi đầu tư lớn, thời gian dài nhưng hiệu quả kinh tế chưa rõ ràng.

(2) Đảm bảo sự công bằng, cân đối trong phân bổ NSNN đầu tư cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

Phân bổ và sử dụng ngân sách phải thực sự khoa học, hướng tới hiệu quả, theo cơ chế thị trường.

(3) Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm toán đối với hoạt động đầu tư NSNN cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

Nhà nước phải tăng quy định và giám sát tình hình sử dụng, phân bổ ngân sách bằng những tiêu chí thực sự khoa học; kiểm toán thực hiện các quy định về quản lý các chương trình đề tài kể cả cấp nhà nước, chống hình thức.

(4) Đổi mới cơ chế cấp phát vốn đầu tư từ NSNN cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Thứ nhất, Chính phủ phải đổi mới cơ chế cấp phát vốn đầu tư từ NSNN cho các quỹ phát triển KH&CN từ cơ chế bán chủ động sang cơ chế chủ động.

Thứ hai, Chính phủ thực hiện cấp NSNN đầu tư cho các Quỹ theo kế hoạch trung và dài hạn. Việc áp dụng cơ chế cấp vốn vừa

khắc phục những khó khăn, cản trở trong việc phát triển các quỹ phát triển KH&CN hiện nay ở nước ta; đồng thời phù hợp với quy định của Luật NSNN năm 2015.

Thứ ba, Chính phủ đẩy mạnh việc áp dụng cơ chế phối hợp, hợp tác giữa khu vực công với khu vực tư nhân (như đối tác công – tư PPP).

4.3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức và hoạt động các quỹ phát triển khoa học và công nghệ

4.3.2.1. Hoàn thiện tổ chức và hoạt động Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia

Thứ nhất, về cơ chế hình thành nguồn. Nguồn hình thành Quỹ sẽ bao gồm nguồn vốn được cấp ban đầu và nguồn bổ sung hàng năm.

Thứ hai, về cơ chế sử dụng. Quỹ phát triển KH&CN quốc gia có thể tài trợ cho các công trình nghiên cứu, ứng dụng, các nhiệm vụ khoa học cấp quốc gia thuộc loại dự án không có khả năng thu hồi và loại có khả năng thu hồi một phần. Hoạt động tài trợ của Quỹ bao gồm: tài trợ không hoàn lại; cho vay với lãi suất ưu đãi và thời gian ân hạn dài hơn tín dụng thương mại; hỗ trợ lãi suất vay; tài trợ và đồng tài trợ; uỷ thác hoặc nhận uỷ thác,....

4.3.2.2. Hoàn thiện tổ chức và hoạt động Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Bộ Tài Chính và Bộ KH&CN cần có những hướng dẫn cụ thể để UBND tỉnh thực hiện cơ chế tự chủ đối với Quỹ phát triển KH&CN ở địa phương.

4.4. Kiến nghị

- Đối với các cơ quan Trung ương:
- Đối với các cơ quan địa phương:

KẾT LUẬN

****Từ kết quả nghiên cứu luận án, rút ra các kết luận chủ yếu sau:***

Thứ nhất, quản lý tài chính là một trong những yếu tố then chốt, quyết định sự thành bại đối với chiến lược phát triển KH&CN của mỗi quốc gia. *Thứ hai*, hình thành và phát triển các quỹ phát triển KH&CN là một hướng đi đúng trong việc thay đổi cơ chế, chính sách tài chính cho phát triển KH&CN ở Việt Nam. *Thứ ba*, quản lý NSNN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN ở nước ta vẫn còn những bất cập nhất định đó là: cơ chế hiện nay chưa đảm bảo sự chủ động; cấp phát bổ sung kinh phí từ NSNN còn theo năm tài chính; văn bản quy định, hướng dẫn còn chồng chéo, phức tạp; thủ tục hành chính còn nhiều khâu; ...*Thứ tư*, trước những tồn tại, bất cập trên, để quản lý NSNN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN ở Việt Nam cần: (1) Tăng cường đầu tư NSNN cho các Quỹ phát triển KH&CN; (2) đảm bảo sự công bằng, cân đối trong phân bổ NSNN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN; (3) Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm toán đối với hoạt động đầu tư NSNN cho các quỹ phát triển KH&CN; (4) đổi mới cơ chế cấp phát vốn đầu tư từ NSNN cho các Quỹ phát triển KH&CN; (5) tiếp tục hoàn thiện tổ chức và hoạt động các Quỹ phát triển KH&CN. *Thứ năm*, mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng luận án vẫn còn những hạn chế nhất định. Vì vậy, trong thời gian tới, tác giả sẽ tiếp tục nghiên cứu vấn đề quản lý NSNN đầu tư cho các quỹ phát triển KH&CN sâu hơn và toàn diện hơn bao gồm tất cả các quỹ phát triển KH&CN do nhà nước đầu tư NSNN./.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Lê Văn Đức (2017), “Một số vấn đề về quỹ phát triển KH&CN Việt Nam hiện nay”. Tạp chí Kinh tế và Dự báo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), (22), tháng 8 năm 2017.

2. Lê Văn Đức (2017), “Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác kiểm tra đảng”. Tạp chí Kiểm tra (Ủy ban Kiểm tra Trung ương), tháng 11 năm 2017.

3. Lê Văn Đức (2018), “Quỹ phát triển khoa học, công nghệ ở một số nước trên thế giới và những gợi mở cho Việt Nam”. Tạp chí Kinh tế và Dự báo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), (02), tháng 01 năm 2018.

4. Lê Văn Đức (2018), “Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư – Thời cơ và thách thức đối với công tác kiểm tra của Đảng”. Tạp chí Kiểm tra (Ủy ban Kiểm tra Trung ương), tháng 7 năm 2018